

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình việc làm
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;
Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;
Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp
đồng ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy
định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu
lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020";

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn
2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình
số 341/TTr-SLĐTBXH ngày 08/02/2017 và Công văn số 621/SLĐTBXH-VLATLĐ
ngày 03/3/2017; Văn bản số 123/STP-XDVB ngày 10/02/2017 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương
trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương
binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã,
thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ, các hội đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, VX.VL17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 07/3/2017

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, nhằm đảm bảo đạt và vượt các mục tiêu về lao động, việc làm đến năm 2020 đã đề ra với lộ trình thực hiện theo từng năm (có Phụ lục I kèm theo).

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các địa phương; xác định rõ trách nhiệm và thời gian hoàn thành; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chương trình việc làm, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch cần bám sát vào mục tiêu và giải pháp trong các Chương trình trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; hàng năm thực hiện nghiêm chế độ thống kê, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp phù hợp cho những năm tiếp theo.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp được giao trách nhiệm chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải đảm bảo thực hiện tốt nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch này.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tập trung phát triển các ngành kinh tế có thế mạnh, tạo ra nhiều việc làm mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông - lâm - ngư nghiệp sang các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

1.1. Sở Công thương đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kêu gọi đầu tư các dự án may mặc, giày da... thu hút nhiều lao động về khu vực nông thôn, miền núi; quảng bá, giới thiệu sản phẩm, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới chợ nông thôn, miền núi; phát triển kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, siêu thị khu vực đông dân cư, trung tâm các huyện, thị xã, thành phố;

đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm của người dân.

1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành về nông nghiệp, nông thôn; chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, tiến tới xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến; đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

1.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển du lịch Thanh Hóa, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch của tỉnh đưa du lịch Thanh Hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn, đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế; từng bước hình thành và phát triển các tua du lịch kết nối các vùng miền, gắn với các điểm du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh với các tuyến du lịch của tỉnh theo quy hoạch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động.

1.4. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp thực hiện tốt chương trình phát triển Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, thu hút đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như: lọc hóa dầu, nhiệt điện, luyện cán thép, xi măng, cơ khí chế tạo, chế biến hàng xuất khẩu... góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông - lâm - ngư nghiệp sang các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

1.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững của tỉnh, hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm, phát triển thị trường lao động góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

2. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm.

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu kinh tế để tạo ra nhiều chỗ việc làm mới thu hút lao động vào làm việc.

2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, các hợp tác xã nông nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã liên doanh, liên kết và hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất tạo việc làm cho người lao động.

2.3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh tăng cường kiểm tra việc triển khai thực hiện Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn trong các doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn tỉnh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp, hợp tác xã, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội.

2.4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; có trách nhiệm quản lý nguồn vốn và cho vay đúng đối tượng, bảo đảm mục tiêu giải quyết việc làm và bảo toàn vốn.

2.5. Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, các tổ chức tín dụng có liên quan cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vay vốn của nông dân trong tỉnh theo quy định tại Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đưa lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh ngoài

3.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động theo quy định của nhà nước, đặc biệt là chính sách hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động giai đoạn 2009-2020; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đào tạo nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động theo Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 23/KH-BCĐ ngày 07/02/2017 của Ban Chỉ đạo Xuất khẩu lao động và chuyên gia tỉnh.

3.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động tuyên truyền, vận động người lao động trên địa bàn tích cực tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần nâng cao tay nghề, tác phong công nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động đồng thời tăng nhanh nguồn ngoại tệ về tỉnh để tái đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm cho lao động xã hội. Tích cực phối hợp với các doanh nghiệp ở các khu công nghiệp trong cả nước có nhu cầu tuyển dụng lao động để đưa đi làm việc ở tỉnh ngoài.

3.3. Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa chủ động phối hợp với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, có nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn, tổ chức “Ngày hội việc làm”, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

4. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động

4.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND cấp huyện thực hiện thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, xây dựng

cơ sở dữ liệu về cung – cầu lao động nhằm phục vụ tốt công tác phân tích, dự báo và thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh.

4.2. Đầu tư xây dựng cơ sở 2 Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa tại Khu Kinh tế Nghi Sơn nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trong thời gian tới; đẩy mạnh liên kết giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm với chi nhánh VCCI tại Thanh Hóa, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm cho người lao động.

4.3. Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa nâng cao hiệu quả sản giao dịch việc làm: Duy trì thường xuyên, định kỳ, nâng cao tần suất (3-4 phiên/tháng), chất lượng các phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm và các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các vùng kinh tế trọng điểm, tập trung nhiều dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh để tăng cường cung cấp thông tin về thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động, làm tăng cơ hội, khả năng tìm việc làm và đào tạo nghề của người lao động.

5. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động

5.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, sắp xếp lại, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đánh giá lại chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên của các cơ sở đào tạo, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, giáo viên đào tạo nghề; phát triển chương trình, giáo trình, đầu tư trang thiết bị đào tạo; khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo. Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015, Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau Trung học cơ sở, nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo hàng năm theo kế hoạch đề ra. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, bố trí, sắp xếp, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

6. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng, năng lực quản lý nhà nước về công tác lao động việc làm

6.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động truyền thông về chương trình việc làm; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác lao động, việc làm các cấp; kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả của Chương trình ở các cấp.

6.2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa và các cơ quan thông tấn báo chí trong tỉnh, hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về việc làm, thường xuyên thông tin về thị trường lao động, hỗ trợ người lao động trong việc tiếp cận, nắm bắt thông tin về cơ hội việc làm, giáo dục nghề nghiệp; kịp thời biểu dương, phổ biến những gương làm tốt, cách làm hay về giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

7. Huy động nguồn lực để thực hiện chương trình

Tổng kinh phí để thực hiện chương trình: 329,559 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn cho vay từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm giai đoạn trước chuyển sang: 103,309 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 92.750 tỷ đồng, gồm:

+ Bổ sung Quỹ quốc gia về việc làm: 20 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ): 15 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ phát triển thị trường lao động: 5,5 tỷ đồng (Trong đó: công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ sở 2 Trung tâm Dịch vụ việc làm tại khu Kinh tế Nghi Sơn: 500 triệu đồng; điều tra cung cầu lao động: 4 tỷ đồng; tổ chức sàn giao dịch việc làm: 01 tỷ đồng);

+ Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá chương trình: 2,25 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên: 50 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: 133,5 tỷ đồng, gồm:

+ Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 120 tỷ đồng (Trong đó: Đào tạo nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động theo Quyết định 291-QĐ/TU ngày 27/05/2016 của Tỉnh ủy Thanh Hóa: 50 tỷ đồng; chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh: 70 tỷ đồng);

+ Hỗ trợ phát triển thị trường lao động: 11 tỷ đồng (Trong đó: Đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 01 tỷ đồng; điều tra cung cầu lao động: 7,5 tỷ đồng; tổ chức sàn giao dịch việc làm: 2,5 tỷ đồng);

+ Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá Chương trình: 2,5 tỷ đồng.

(Có Phụ lục II kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng xây dựng cụ thể hoá các hoạt động của chương trình, lập kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chương trình, điều hành có hiệu quả nguồn vốn cho vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm;

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chương trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu, đề xuất đưa chỉ tiêu lao động - việc làm vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua và giao chỉ tiêu kế hoạch hướng dẫn cho các đơn vị để triển khai thực hiện; chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cao năng lực của các Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành có liên quan đề xuất chính sách, giải pháp; tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát và quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chương trình.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

Chịu trách nhiệm tham gia theo thẩm quyền thực hiện hướng dẫn và cho người lao động vay vốn để sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và đi xuất khẩu lao động theo quy định của nhà nước.

5. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Y tế theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, phối hợp thực hiện các hoạt động của Chương trình.

6. Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Chi nhánh VCCI tại Thanh Hóa

Nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, liên kết, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh cung ứng lao động cho doanh nghiệp, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình việc làm trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020, chủ động huy động thêm các nguồn lực cho các hoạt động thành phần, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, cung cấp thông tin về chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn khi tham gia xuất khẩu lao động để người lao động tại địa phương hiểu rõ, tham gia; tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động đi làm việc tại nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động của chương trình, hằng năm trước ngày 15 tháng 06 và ngày 15 tháng 12 báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội tỉnh

- Phối hợp với các cấp, các ngành và cấp huyện tích cực tuyên truyền vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia chương trình việc làm của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia đóng góp cho chương trình việc làm; động viên, khích lệ người dân tự giải quyết việc làm.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương bình xét, thẩm định các dự án được uỷ thác trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm từ nguồn vốn do tổ chức mình quản lý theo quy định. Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, thành lập tổ vay vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của hội viên, nông dân trong tỉnh theo quy định tại Nghị định 55/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện tuyên truyền, nhân rộng những mô hình giải quyết việc làm có hiệu quả; giám sát việc thực hiện chương trình việc làm theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền



Phụ lục I

CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kiểm theo Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT		ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020					
			Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Dân số	Nghìn người		3.541	3.564	3.587	3.611	3.634,2
2	Dân số trong độ tuổi lao động	Nghìn người		2380	2.396	2.412	2.429	2.446,0
3	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Nghìn người		2.203	2.221	2.240	2.260	2.280
*	<i>Chia theo nhóm ngành kinh tế</i>							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Nghìn người		991	944	896	848	798
	<i>Tỷ lệ</i>	%		45	42,5	40	37,5	35
	- Công nghiệp và xây dựng	Nghìn người		639	677	717	757	798
	<i>Tỷ lệ</i>	%		29	30,5	32	33,5	35
	- Dịch vụ	Nghìn người		573	600	627	655	684
	<i>Tỷ lệ</i>	%		26	27	28	29	30
5	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%		3,6	3,5	3,3	3,2	3,1
6	Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn	%		6,5	6,4	6,3	6,2	6,1
7	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	330.000	64.000	65.500	66.000	67.000	67.500
*	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
8	Nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm	%		18	22	25	28	30
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		58	61	64	67	70
	Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%		21	22	23	24	25

Phụ lục II: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM TÌNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Hoạt động của Chương trình	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm	Triệu đồng	123.309		5.000	5.000	5.000	5.000
1.1	Giai đoạn trước chuyển sang	Triệu đồng	103.309					
1.2	Vốn mới bổ sung	Triệu đồng	20.000		5.000	5.000	5.000	5.000
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	20.000		5.000	5.000	5.000	5.000
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0					
2	Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Triệu đồng	135.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
*	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	15.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
*	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	120.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000
	Trong đó:							
-	Đào tạo nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động (theo Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Tỉnh ủy)	Triệu đồng	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
-	Thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh)	Triệu đồng	70.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
3	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động	Triệu đồng	16.500	3.200	3.200	3.700	3.200	3.200
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	5.500	1.000	1.000	1.500	1.000	1.000
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	11.000	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200
	Trong đó:							
3.1	Đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm	Triệu đồng	1.500	200	200	700	200	200
	Ngân sách Trung ương (công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ sở 2 Trung tâm Dịch vụ việc làm tại Khu kinh tế Nghi Sơn)	Triệu đồng	500	0	0	500	0	0
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
3.2	Thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động	Triệu đồng	11.500	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	4.000	800	800	800	800	800
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	7.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
	Trong đó:							
3.2.1	Điều tra, ghi chép, cập nhật thông tin Cung lao động	Triệu đồng	9.000	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800

STT	Hoạt động của Chương trình	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	3.000	600	600	600	600	600
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	6.000	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200
3.2.2	Điều tra, ghi chép, cập nhật thông tin Cầu lao động	Triệu đồng	2.500	500	500	500	500	500
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.500	300	300	300	300	300
3.3	Tổ chức Sàn giao dịch việc làm	Triệu đồng	3.500	700	700	700	700	700
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	2.500	500	500	500	500	500
4	Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá Chương trình	Triệu đồng	4.750	950	950	950	950	950
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	2.250	450	450	450	450	450
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	2.500	500	500	500	500	500
	Trong đó:							
4.1	Hoạt động nâng cao năng lực và truyền thông	Triệu đồng	2.750	550	550	550	550	550
4.1.1	Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác lao động việc làm các cấp	Triệu đồng	1.500	300	300	300	300	300
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	500	100	100	100	100	100
4.1.2	Thông tin tuyên truyền về Chương trình	Triệu đồng	1.250	250	250	250	250	250
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	250	50	50	50	50	50
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
4.2	Hoạt động giám sát, đánh giá Chương trình	Triệu đồng	2.000	400	400	400	400	400
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200
5	Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên	Triệu đồng	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0					
	Tổng cộng kinh phí	Triệu đồng	329.559	41.150	46.150	46.650	46.150	46.150
	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	92.750	14.450	19.450	19.950	19.450	19.450
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	133.500	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700
	Quỹ quốc gia về việc làm giai đoạn trước chuyển sang	Triệu đồng	103.309					